

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành
đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ
đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành ban hành Thông tư quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên.

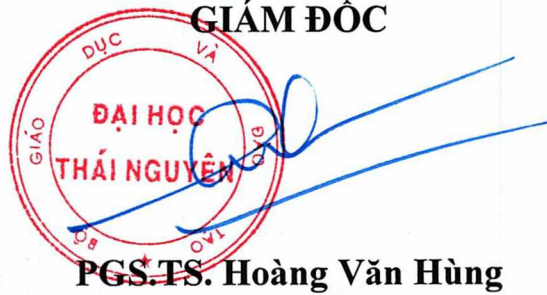
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 1976/QĐ-ĐHTN ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành/chuyên ngành đào tạo; đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên. Quyết định này bãi bỏ các nội dung được quy định tại Quyết định số 821/QĐ-ĐHTN ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định tạm thời về điều kiện, tiêu chí giảng viên cơ hữu đứng tên mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban chức năng, Thủ trưởng đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Hoàng Văn Hùng

QUY ĐỊNH

**Điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành
đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2351/QĐ-ĐHTN ngày 02 tháng 12 năm 2022
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

2. Quy định này áp dụng đối với các trường đại học thành viên, Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế và phân hiệu của Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) (sau đây gọi chung là đơn vị đào tạo), các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Danh mục thống kê ngành đào tạo là Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV đối với các trình độ của giáo dục đại học, do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Ngành đào tạo là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

3. Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Lĩnh vực đào tạo là tập hợp các nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ được thống kê, phân loại trong Danh mục giáo dục đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành đào tạo dự kiến mở ở trình độ đại học/thạc sĩ là ngành có cùng tên và cùng 6 chữ số cuối của mã ngành theo Danh mục thống kê ngành đào tạo; trường hợp ngành đó chưa được đào tạo trong nước ở trình độ tiến sĩ hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp thì ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo ở trình độ đại học/thạc sĩ. Riêng đối với ngành thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên (trình độ đại học), ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ là ngành chuyên môn tương ứng với ngành đào tạo giáo viên, hoặc là ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (của ngành chuyên môn tương ứng).

6. Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành dự kiến mở ở trình độ tiến sĩ là ngành dự kiến mở; trường hợp ngành dự kiến mở chưa được đào tạo trong nước hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp, ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành dự kiến mở.

7. Thành phần của một chương trình đào tạo là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo (như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, và các thành phần khác).

8. Giảng viên toàn thời gian trong mở ngành đào tạo bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại đơn vị đào tạo (sau đây gọi chung là giảng viên toàn thời gian), cụ thể như sau:

a) Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 ngày 12 tháng 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

b) Giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên, làm việc toàn thời gian tại đơn vị đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chế độ làm việc của giảng viên đại học trong cả năm học tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, đồng thời không ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác.

9. Giảng viên thỉnh giảng trong mở ngành đào tạo là người không thuộc diện theo quy định tại khoản 8 Điều này nhưng có ký hợp đồng thỉnh giảng với

đơn vị đào tạo theo quy định của pháp luật, giảng dạy theo kế hoạch được phân công tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, được đơn vị đào tạo trả lương, thù lao theo hợp đồng thỉnh giảng với đơn vị đào tạo.

10. Giảng viên có chuyên môn phù hợp để giảng dạy chương trình đào tạo là giảng viên được đào tạo ở trình độ và ngành có kiến thức chuyên môn phù hợp để giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở; đồng thời đã có kinh nghiệm giảng dạy đại học tối thiểu từ 02 năm trở lên đối với các học phần tương ứng trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở hoặc đã có các công trình khoa học liên quan đến nội dung được dự kiến phân công giảng dạy được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

Điều 3. Nguyên tắc mở ngành, chuyên ngành đào tạo

1. Đơn vị đào tạo chỉ được phép mở ngành đào tạo mới khi đáp ứng các yêu cầu mở ngành và đúng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đào tạo.

2. Đơn vị đào tạo được phép mở mới chuyên ngành (chương trình đào tạo) nằm trong ngành đã được mở (theo Danh mục thống kê ngành đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo) khi đáp ứng các yêu cầu mở ngành và đúng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đào tạo. Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chương trình không quá 20% kiến thức chung của ngành đào tạo.

3. Giám đốc ĐHTN ra quyết định mở ngành đào tạo của các đơn vị đào tạo (trừ các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe, nhóm ngành đào tạo giáo viên, lĩnh vực an ninh, quốc phòng).

4. Thủ trưởng các đơn vị đào tạo ra quyết định mở chuyên ngành (chương trình đào tạo) với các ngành đào tạo đã được cho phép mở ngành theo quy định. Thủ trưởng đơn vị đào tạo báo cáo ĐHTN (qua Ban Đào tạo) về việc mở mới chuyên ngành (chương trình đào tạo) trước khi tổ chức tuyển sinh. Hiệu trưởng Trường Ngoại ngữ, Trường khoa Khoa Quốc tế và Giám đốc phân hiệu ĐHTN ra quyết định mở chuyên ngành (chương trình đào tạo) nếu được Giám đốc ĐHTN ủy quyền.

Chương II

ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 4. Điều kiện chung

Đơn vị đào tạo phải đáp ứng điều kiện chung khi mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ, bao gồm:

1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở

a) Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của đơn vị đào tạo.

b) Có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo (trừ trường hợp có quy định riêng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ); việc đề xuất bổ sung ngành mới vào Danh mục thống kê ngành đào tạo thực hiện theo Thông tư quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo (gọi là ngành mới), đơn vị đào tạo phải làm rõ:

- Luận cứ khoa học, nhu cầu của xã hội về ngành mới (trong đó có ít nhất 02 ý kiến về sự cần thiết đào tạo của 02 cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo); có số liệu phân tích, dự báo tin cậy về nhu cầu nguồn nhân lực mà các ngành đào tạo hiện tại không đáp ứng được; đối với các ngành đã có sinh viên tốt nghiệp phải có số liệu phân tích, đánh giá tin cậy về khả năng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực mà các ngành đào tạo khác không đáp ứng được;

- Thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới kèm theo ít nhất 02 chương trình đào tạo tham khảo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận kiểm định về chất lượng hoặc cho phép thực hiện và cấp văn bằng (trừ các ngành chỉ có đào tạo ở Việt Nam hoặc các ngành liên quan đến an ninh, quốc phòng);

- Sự khác biệt tối thiểu là 30% về kiến thức và kỹ năng chuyên môn so với các ngành hiện có dự kiến thuộc nhóm ngành trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

Các ngành chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo được cho phép mở ngành đào tạo thuộc Danh mục ngành thí điểm. Một ngành trong Danh mục ngành thí điểm được xem xét loại bỏ nếu trong 10 năm tính từ ngày được bổ sung vào Danh mục ngành thí điểm không được chuyển sang Danh mục ngành chính thức.

2. Về đội ngũ giảng viên

a) Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo; các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật (quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này), giảng viên thỉnh giảng có thể đảm nhận tối đa 40% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo.

b) Đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này và các quy định sau:

- Giảng viên có danh hiệu là Nghệ sĩ Nhân dân hoặc Nghệ nhân Nhân dân hoặc Nhà giáo Nhân dân do Nhà nước trao tặng, đồng thời có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo;

- Riêng ngành đào tạo ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, giảng viên là người dân tộc thiểu số hoặc người có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với ngôn ngữ văn hóa dân tộc thiểu số của ngành đào tạo dự kiến mở, đồng thời có bằng thạc sĩ có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ có thể thay

cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo.

c) Đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), giảng viên và người hướng dẫn thực hành các môn học, học phần liên quan đến khám, chữa bệnh phải có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, đã hoặc đang làm việc trực tiếp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

d) Trên cơ sở nguồn lực chung của ĐHTN, đối với một số ngành mới đặc thù, đơn vị đào tạo có nhu cầu mở ngành nhưng chưa đủ số lượng giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ngành phù hợp theo quy định thì có thể mời giảng viên cơ hữu từ các đơn vị đào tạo khác thuộc ĐHTN với điều kiện sau:

- Giảng viên không là người đứng tên chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện ngành đào tạo đang hiện có tại đơn vị đào tạo mà người đó là giảng viên cơ hữu;

- Được sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị đào tạo quản lý giảng viên đó;
- Có hợp đồng đào tạo (giảng dạy, hướng dẫn, tham gia hội đồng chuyên môn, phát triển chương trình) với đơn vị đào tạo.

Số lượng giảng viên được mời từ các đơn vị đào tạo khác thuộc ĐHTN không quá 02 người. Trong trường hợp này, ĐHTN có văn bản phân công thực hiện nhiệm vụ đào tạo trên cơ sở thỏa thuận giữa hai đơn vị.

đ) Giảng viên là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài được coi là giảng viên cơ hữu của đơn vị đào tạo khi đáp ứng các yêu cầu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Có hợp đồng lao động theo năm và hợp đồng đào tạo, trong đó có ít nhất mỗi năm có 06 tháng làm việc toàn thời gian tại đơn vị đào tạo.

e) Trường hợp đơn vị đào tạo triển khai đào tạo tại phân hiệu của ĐHTN đối với ngành đã được cho phép đào tạo ở trụ sở chính thì phân hiệu phải đảm bảo tối thiểu 40% số giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy, quản lý chương trình; số giảng viên cơ hữu còn lại là giảng viên cơ hữu tại trụ sở chính của đơn vị đào tạo. Phân hiệu ĐHTN đăng ký mở ngành đào tạo mới phải đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên cơ hữu tương tự như đối với các đơn vị đào tạo.

3. Về cơ sở vật chất

a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và Quy định này.

b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học.

c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học; các cơ sở thực hành đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe phải có hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành bảo đảm tuân thủ theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; từ năm học 2023-2024 trở đi, yêu cầu bắt buộc đơn vị đào tạo phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo.

đ) Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

e) Đơn vị đào tạo triển khai đào tạo tại phân hiệu ĐHTN đối với ngành đào tạo đã được cho phép mở ngành đào tạo ở trụ sở chính thì cơ sở vật chất tại phân hiệu phải đảm bảo các điều kiện theo các quy định tại khoản này.

4. Chương trình đào tạo của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN, đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Đơn vị đào tạo đã có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

6. Đơn vị đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

7. Hội đồng trường đã có nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo của đơn vị đào tạo (đối với các đơn vị đào tạo có hội đồng trường) và văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo của ĐHTN.

Điều 5. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học

Đơn vị đào tạo mở ngành đào tạo trình độ đại học phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành đào tạo theo quy định tại Điều 4 Quy định này và các điều kiện cụ thể sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác (trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở là ngành ghép bởi các ngành học từ các nhóm ngành khác nhau, hoặc ngành đào tạo mang tính liên ngành được sắp xếp đồng thời vào một số nhóm ngành khác nhau, yêu cầu mỗi ngành được ghép phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

2. Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại khoản 1 Điều này), trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Riêng đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật (quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này), phải bảo đảm tối thiểu có 03 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp.

3. Có đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định này) bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định; có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3 chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Quy định này) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

4. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và bảo đảm các điều kiện cụ thể về giảng viên đối với từng ngành đào tạo theo quy định tại Bảng 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này và có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Quy định này phải bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo, và phải có kế hoạch, phương án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ ba, chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Quy định này) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

6. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều này và phải bảo đảm các điều kiện cụ thể về phòng thí nghiệm, thực hành đối với từng ngành đào tạo theo quy định tại Bảng 2, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều này và bảo đảm có phòng diễn án, trung tâm thực hành (tư vấn) pháp luật.

Điều 6. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

Đơn vị đào tạo mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành theo quy định tại Điều 4 Quy định này và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải có ít nhất 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

2. Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo, trong đó có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong chương trình đào tạo.

3. Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ đại học ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ đại học chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

5. Đơn vị đào tạo không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với quy định tại Quy định này và so với các cơ sở đào tạo trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp thạc sĩ của đơn vị đào tạo; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bộ Giáo dục và Đào tạo xác minh, kiểm tra thực tế và xem xét, quyết định mở ngành trong trường hợp này.

Điều 7. Điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

Đơn vị đào tạo mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành theo quy định tại Điều 4 Quy định này và các điều kiện sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

1. Có ít nhất 01 giáo sư hoặc 02 phó giáo sư và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải có ít nhất 01 giáo sư hoặc 01 phó giáo sư và 02 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

2. Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo, giảng viên tham gia giảng dạy phải bảo đảm tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo, trong đó phải có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong chương trình đào tạo.

3. Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Đã đào tạo và cấp bằng trình độ thạc sĩ ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

5. Đơn vị đào tạo không đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này phải thuyết minh sự đáp ứng vượt trội về các điều kiện khác so với quy định tại Quy định này và so với các cơ sở đào tạo trong nước, bao gồm: đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, uy tín chuyên môn); cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu; năng lực và kết quả nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; số ngành đào tạo và số người học đã được cấp bằng tốt nghiệp tiến sĩ của đơn vị đào tạo; ngành đào tạo dự kiến mở thuộc lĩnh vực ưu tiên hoặc có nhu cầu cấp thiết đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bộ Giáo dục và Đào tạo xác minh, kiểm tra thực tế và xem xét, quyết định mở ngành trong trường hợp này.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO, ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 8. Xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

1. Thủ trưởng đơn vị đào tạo, Giám đốc ĐHTN (đối với mở ngành của Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế và phân hiệu ĐHTN) chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng và đề xuất chủ trương về việc mở ngành đào tạo.

2. Nội dung đề xuất chủ trương về việc mở ngành gồm có:

a) Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của đơn vị đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của đơn vị đào tạo, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước.

b) Về năng lực của đơn vị đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có của đơn vị đào tạo đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế.

c) Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở: báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo, thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội.

d) Về giải pháp và lộ trình thực hiện: báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo.

đ) Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro: báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa,

khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp đơn vị đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

3. Hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo tổ chức thẩm định và có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được xây dựng bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

4. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

Trên cơ sở chủ trương đề xuất mở ngành đào tạo đã được hội đồng khoa học và đào tạo tổ chức thẩm định và có kết luận theo quy định tại khoản 3 Điều này, Thủ trưởng đơn vị đào tạo báo cáo trình hội đồng trường phê duyệt (Giám đốc ĐHTN phê duyệt đối với các đơn vị chưa có hội đồng trường); Giám đốc ĐHTN báo cáo trình hội đồng ĐHTN phê duyệt đối với ngành đào tạo có nhiều đơn vị thành viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo. Hội đồng ĐHTN, giám đốc ĐHTN, hội đồng trường chịu trách nhiệm về các nội dung:

a) Định hướng phát triển ngành đề xuất mở phải phù hợp với định hướng phát triển của đơn vị đào tạo và ĐHTN, bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của các Bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế.

b) Bảo đảm nguồn lực để triển khai đề án mở ngành đào tạo đạt hiệu quả.

c) Đánh giá về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa, đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp xảy ra rủi ro khi mở ngành đào tạo.

ĐHTN phê duyệt và chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát việc xây dựng đề án và triển khai đề án mở ngành của Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế và phân hiệu ĐHTN.

5. Thủ trưởng đơn vị đào tạo xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm và tổ chức thực hiện đối với từng nội dung xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo (quy định tại khoản 2 Điều này), trong đó xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp giữa các tập thể và cá nhân của đơn vị đào tạo trong việc xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành, trách nhiệm và nguyên tắc làm việc của hội đồng khoa học và đào tạo trong việc thẩm định (quy định tại khoản 3 Điều này) đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo của đơn vị đào tạo.

Điều 9. Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo

Trên cơ sở chủ trương mở ngành được phê duyệt, Thủ trưởng đơn vị đào tạo hoặc Giám đốc ĐHTN (đối với ngành đào tạo có nhiều đơn vị đào tạo tham

gia thực hiện chương trình đào tạo) chỉ đạo và tổ chức xây dựng đề án mở ngành đào tạo. Nội dung đề án mở ngành đào tạo gồm có:

1. Một số thông tin cơ bản giới thiệu về đơn vị đào tạo: giới thiệu sơ lược về đơn vị đào tạo.

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo: báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt.

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo: Thủ trưởng đơn vị đào tạo, Giám đốc ĐHTN (đối với mở ngành của Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế và phân hiệu ĐHTN) chỉ đạo và tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

Quy trình xây dựng chương trình đào tạo thực hiện theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó đơn vị đào tạo thực hiện điều tra, khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành, chương trình đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về chuẩn chương trình đào tạo.

Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định thành lập hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và giao cho đơn vị chuyên môn thực hiện các bước theo quy trình xây dựng chương trình đào tạo. Thành phần hội đồng xây dựng chương trình đào tạo là những người am hiểu về ngành, chương trình đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo bao gồm: đại diện đơn vị chuyên môn liên quan, đại diện phòng/tổ đào tạo, các giảng viên ngành phù hợp với ngành đào tạo, các nhà khoa học, chuyên gia giáo dục và các thành phần khác theo yêu cầu của ngành, chương trình đào tạo và đại diện nhà sử dụng lao động. Tiêu chuẩn thành viên hội đồng xây dựng chương trình đào tạo thực hiện theo quy định của đơn vị đào tạo.

Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo của Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế và phân hiệu ĐHTN). Hội đồng thẩm định chương trình có ít nhất 05 thành viên, trong đó có chủ tịch, thư ký và các ủy viên hội đồng; các thành viên hội đồng thẩm định phải đến từ ít nhất 02 cơ sở đào tạo khác nhau ngoài ĐHTN, có kinh nghiệm đào tạo cùng ngành và cùng trình độ với ngành đào tạo được thẩm định, trong đó có ít nhất 01 giáo sư hoặc phó giáo sư (trừ các thành viên đại diện cho đơn vị sử dụng lao động). Chủ tịch hội đồng thẩm định là người ngoài đơn vị đào tạo. Trường

hợp không có người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động đủ tiêu chuẩn tham gia hội đồng thẩm định thì có thể mời người có trình độ thạc sĩ từ 03 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của ngành đào tạo tham gia làm ủy viên hội đồng thẩm định ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ. Tiêu chuẩn thành viên hội đồng thẩm định chương trình đào tạo thực hiện theo quy định của đơn vị đào tạo.

Biên bản thẩm định phải ghi đầy đủ diễn biến nội dung cuộc họp, kết quả biểu quyết, kết luận, kiến nghị hội đồng thẩm định theo các nội dung về chương trình đào tạo; sự phù hợp của đội ngũ giảng viên cơ hữu và các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo với chương trình đào tạo. Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ ràng một trong các nội dung sau: hội đồng thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc hội đồng thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc hội đồng không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không được thông qua.

Thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở kết luận của hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và của hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị; công bố công khai chương trình đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo thực hiện trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo.

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

a) Căn cứ các quy định về điều kiện đội ngũ giảng viên trong mở ngành đào tạo theo Quy định này và điều kiện thực tế của đơn vị đào tạo, Thủ trưởng đơn vị đào tạo chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học nhằm đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo Quy định này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

b) Xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của đơn vị đào tạo và tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, ký hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo Quy định này, quy định của đơn vị đào tạo, bảo đảm tuân thủ các

quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và phải được cam kết thực hiện trong đề án mở ngành đào tạo.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

a) Căn cứ các quy định về điều kiện cơ sở vật chất trong mở ngành đào tạo theo Quy định này và điều kiện thực tế của đơn vị đào tạo, Thủ trưởng đơn vị đào tạo chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo tương ứng với mỗi trình độ đào tạo theo Quy định này và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

b) Xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, lộ trình và cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của đơn vị đào tạo và triển khai thực hiện việc đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo Quy định này, quy định của đơn vị đào tạo, bảo đảm tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành và phải được cam kết trong đề án mở ngành đào tạo.

6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

a) Xác định đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

b) Phân công cán bộ quản lý chuyên môn và giao trách nhiệm, quyền hạn cho tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

c) Dự kiến nhân sự là người chủ trì ngành đào tạo, chịu trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

a) Báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của đơn vị đào tạo và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra.

b) Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp đơn vị đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, đơn vị đào tạo và các bên liên quan.

8. Các minh chứng kèm theo đề án

a) Nghị quyết của hội đồng trường, hội đồng ĐHTN phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo (đối với ngành đào tạo có nhiều đơn vị đào tạo tham gia thực hiện chương trình đào tạo) hoặc văn bản phê duyệt chủ trương mở ngành của ĐHTN (đối với các đơn vị đào tạo chưa có hội đồng trường).

b) Biên bản thẩm định đề án mở ngành của hội đồng khoa học và đào tạo (theo mẫu tại Phụ lục 4).

c) Quyết định thành lập hội đồng xây dựng chương trình đào tạo; biên bản họp hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị chuyên môn đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành, chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước; biên bản hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài đơn vị đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về chương trình đào tạo; phiếu điều tra, khảo sát xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành, chương trình đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động, nhu cầu của xã hội đối với ngành đào tạo dự kiến mở; bản báo cáo tổng hợp phân tích kết quả điều tra, khảo sát; phiếu lấy ý kiến của các bên liên quan đối với dự thảo chương trình đào tạo ngành dự kiến mở; biên bản tổng hợp và kết luận về ý kiến góp ý của các bên liên quan; minh chứng tham khảo chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành với ngành đăng ký đào tạo của ít nhất 02 cơ sở đào tạo khác ở trong và ngoài nước.

d) Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản thẩm định chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định (có bản nhận xét của các phản biện và phiếu đánh giá thẩm định chương trình đào tạo của các thành viên hội đồng kèm theo); quyết định ban hành chương trình đào tạo (kèm theo chuẩn đầu ra, khung chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo).

đ) Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định tại khoản 4 Điều này, gồm các thông tin theo mẫu báo cáo quy định tại Mục 1 (về giảng viên) và Mục 2 (về kết quả nghiên cứu khoa học) Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy định này; bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động, bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào

tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp; lý lịch khoa học của giảng viên tham gia đào tạo của ngành đăng ký mở theo mẫu quy định (kê khai và xác nhận trong thời gian 06 tháng); văn bằng thạc sĩ, tiến sĩ, tiến sĩ khoa học; quyết định bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; minh chứng các bài báo, báo cáo khoa học (trang bìa, mục lục, nội dung bài báo, báo cáo khoa học) của giảng viên cơ hữu đứng tên mở ngành; minh chứng đề tài nghiên cứu khoa học các cấp (quyết định giao đề tài, quyết định và biên bản nghiệm thu đề tài) có liên quan đến ngành đăng ký mở ngành của đơn vị đào tạo.

e) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo đã chuẩn bị theo quy định tại khoản 5 Điều này, gồm các thông tin theo các mẫu báo cáo được quy định tại Mục 3 (về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo) Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy định này.

g) Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (đối với đề án mở ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe).

h) Chứng nhận công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục của đơn vị đào tạo (nếu có).

i) Quyết định cho phép đào tạo trình độ đại học ngành phù hợp của cấp có thẩm quyền (đối với hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ); quyết định cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ ngành phù hợp của cấp có thẩm quyền (đối với hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ).

k) Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học ngành phù hợp của ít nhất một khóa sinh viên (đối với hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ); quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ ngành phù hợp của ít nhất một khóa học viên (đối với hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ).

l) Minh chứng văn bản hợp tác và triển khai hoạt động với các trường đại học trên thế giới trong hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học công nghệ (trừ các ngành phải bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật).

m) Quy chế, quy định tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của đơn vị đào tạo.

9. Thủ trưởng đơn vị đào tạo xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm và tổ chức thực hiện kế hoạch, trong đó xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp giữa các tập thể và cá nhân

của đơn vị đào tạo trong việc xây dựng đề án và chuẩn bị các điều kiện mở ngành đào tạo.

Điều 10. Thẩm định đề án mở ngành đào tạo

1. Trước khi tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo, hội đồng khoa học và đào tạo phải xem xét, đánh giá điều kiện thực tế của đơn vị đào tạo trên cơ sở căn cứ Quy định này, quy định của đơn vị đào tạo và các quy định của pháp luật hiện hành, đánh giá mức độ đáp ứng so với yêu cầu về điều kiện để được mở ngành đối với từng nội dung cụ thể của đề án, bao gồm thẩm định các điều kiện về tên ngành đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo đề xuất mở. Kết quả kiểm tra điều kiện thực tế mở ngành đào tạo của hội đồng khoa học và đào tạo phải được thể hiện bằng biên bản kiểm tra và có kết luận cụ thể về việc đơn vị đào tạo đã có đủ điều kiện thực tế để được mở ngành đào tạo hoặc chưa đủ điều kiện thực tế mở ngành theo Quy định này, quy định của đơn vị đào tạo và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

2. Hội đồng khoa học và đào tạo tổ chức thẩm định đề án mở ngành theo quy định của đơn vị đào tạo. Kết quả thẩm định đề án mở ngành đào tạo của hội đồng khoa học và đào tạo phải được thể hiện bằng biên bản thẩm định và có kết luận cụ thể về việc đơn vị đào tạo đã có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo hoặc chưa đủ điều kiện theo Quy định này, quy định của đơn vị đào tạo và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Trong quá trình thẩm định, hội đồng khoa học và đào tạo phải kiểm tra các minh chứng cụ thể trước khi kết luận, đồng thời báo cáo Thủ trưởng đơn vị đào tạo và chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thẩm định.

3. Đơn vị đào tạo quy định cụ thể nguyên tắc làm việc của hội đồng khoa học và đào tạo khi tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của hội đồng và các thành viên trong hội đồng.

Điều 11. Hồ sơ mở ngành đào tạo

Hồ sơ mở ngành đào tạo gồm có:

1. Văn bản đề nghị mở ngành đào tạo: tóm tắt quá trình xây dựng đề án, báo cáo khẳng định về việc bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định để được mở ngành đào tạo và đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đề án mở ngành đào tạo đã được hội đồng khoa học và đào tạo của đơn vị đào tạo thẩm định theo quy định tại Điều 10 Quy định này, bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

3. Công văn của ĐHTN chấp thuận về mặt chủ trương mở ngành đào tạo của đơn vị đào tạo.

Điều 12. Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo

1. Đối với các đơn vị đào tạo có đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành (ở từng trình độ đào tạo) theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018); quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác có liên quan của pháp luật (trừ các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, nhóm ngành Đào tạo giáo viên, lĩnh vực An ninh, quốc phòng, hoặc trường hợp mở một ngành đào tạo có nhiều đơn vị đào tạo thuộc ĐHTN tham gia thực hiện chương trình đào tạo), thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc mở ngành của đơn vị đào tạo đối với các ngành, các trình độ đào tạo của giáo dục đại học, khi đơn vị đào tạo đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được mở ngành theo Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật, báo cáo ĐHTN kết quả thực hiện.

b) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể việc gửi hồ sơ mở ngành để báo cáo và quyết định mở ngành thực hiện trong nội bộ đơn vị đào tạo.

2. Đối với các đơn vị đào tạo chưa đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác có liên quan của pháp luật, hoặc trường hợp đơn vị đào tạo mở một ngành đào tạo có nhiều đơn vị thành viên khác của ĐHTN tham gia thực hiện chương trình đào tạo, thực hiện như sau (trừ các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, nhóm ngành Đào tạo giáo viên, lĩnh vực An ninh, quốc phòng):

a) Đơn vị đào tạo gửi 07 bộ hồ sơ mở ngành đến ĐHTN (qua Ban Đào tạo) để báo cáo và đề nghị Giám đốc ĐHTN quyết định cho phép mở ngành đào tạo.

b) ĐHTN tiếp nhận và thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ mở ngành; trong trường hợp cần thiết Giám đốc ĐHTN quyết định việc tổ chức đoàn kiểm tra thực tế các điều kiện bảo đảm chất lượng tại đơn vị đào tạo trước khi phê duyệt đề án mở ngành.

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ mở ngành của đơn vị đào tạo, Giám đốc ĐHTN ra quyết định cho phép mở ngành đào tạo, nếu hồ sơ mở ngành của đơn vị đào tạo đầy đủ và đáp ứng các điều kiện để được mở ngành theo Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Nếu hồ sơ mở ngành của đơn vị đào tạo chưa đầy đủ, chưa bảo đảm các điều

kiện để được mở ngành theo quy định, ĐHTN thông báo kết quả bằng văn bản về tình trạng hồ sơ và những nội dung chưa bảo đảm theo quy định đối với đơn vị đào tạo.

3. Đối với các đơn vị đào tạo đang trong thời hạn không được tự chủ mở ngành đào tạo do vi phạm quy định đến mức không được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác có liên quan của pháp luật hoặc đối với việc mở các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, nhóm ngành Đào tạo giáo viên, lĩnh vực An ninh, quốc phòng, thực hiện như sau:

a) Đơn vị đào tạo gửi 01 bộ hồ sơ mở ngành đến Bộ Giáo dục và Đào tạo theo hình thức gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận và thẩm định hồ sơ; trong trường hợp cần thiết Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định việc tổ chức đoàn kiểm tra thực tế các điều kiện bảo đảm chất lượng tại đơn vị đào tạo. Riêng đối với mở ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, Bộ Giáo dục và Đào tạo lấy ý kiến (bằng văn bản) của Bộ Y tế về nhu cầu nhân lực ngành đề xuất mở và các điều kiện về tổ chức đào tạo thực hành trong khối ngành sức khỏe theo quy định của Chính phủ.

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ mở ngành của đơn vị đào tạo, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cho phép mở ngành đào tạo, nếu hồ sơ mở ngành của đơn vị đào tạo đầy đủ và đáp ứng các điều kiện để được mở ngành theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Nếu hồ sơ mở ngành của đơn vị đào tạo chưa đầy đủ, chưa bảo đảm các điều kiện để được mở ngành theo quy định, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả bằng văn bản về tình trạng hồ sơ và những nội dung chưa bảo đảm theo quy định đối với đơn vị đào tạo.

Điều 13. Đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo

1. Đơn vị đào tạo bị đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo đối với ngành đã được mở khi có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của đơn vị đào tạo ở một trong các trường hợp sau:

a) Tự chủ mở ngành khi chưa đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung

năm 2018) và quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

b) Tự chủ mở ngành khi chưa đủ một trong các điều kiện được mở ngành đào tạo theo Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật (bao gồm cả các điều kiện phải cam kết trong đề án mở ngành đào tạo theo Quy định này).

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo đối với cơ sở đào tạo bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận có vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó xác định rõ lý do, phạm vi, thời hạn đình chỉ và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Đơn vị đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của đơn vị đào tạo và không được tự chủ mở ngành đào tạo trong thời hạn 05 năm, kể từ khi có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm của đơn vị đào tạo.

4. Sau thời hạn đình chỉ hoạt động ngành đào tạo, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ hoạt động ngành đào tạo được khắc phục và đơn vị đào tạo bảo đảm đầy đủ các điều kiện để được mở ngành đào tạo theo Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại. Trường hợp hết thời hạn đình chỉ hoạt động ngành đào tạo mà chưa được Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại, nếu đơn vị đào tạo muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, đơn vị đào tạo phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để được mở ngành và thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành theo Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

5. Đối với ngành đào tạo đã được mở nhưng trong thời gian 03 năm liên tiếp (đối với đào tạo trình độ đại học) và 05 năm liên tiếp (đối với đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ) đơn vị đào tạo không tổ chức tuyển sinh hoặc không tuyển sinh được thì quyết định mở ngành đối với ngành này của đơn vị đào tạo hết hiệu lực. Nếu đơn vị đào tạo muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, đơn vị đào tạo phải thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành theo Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

6. Giám đốc ĐHTN ra quyết định đình chỉ tuyển sinh đối với ngành đào tạo do Giám đốc ĐHTN cho phép mở khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Không bảo đảm một trong các điều kiện được mở ngành đào tạo theo Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

b) Tổ chức tuyển sinh và đào tạo ngoài địa điểm được phép tổ chức hoạt động đào tạo.

c) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt ở mức độ phải đình chỉ tuyển sinh.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7. Giám đốc ĐHTN ra quyết định thu hồi quyết định mở ngành đối với ngành đào tạo do Giám đốc ĐHTN cho phép mở khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi gian lận để được mở ngành đào tạo.

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về tuyển sinh, quản lý và tổ chức đào tạo.

c) Hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh.

d) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt ở mức độ phải thu hồi quyết định mở ngành.

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

8. Sau thời hạn đình chỉ tuyển sinh, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh được khắc phục và đơn vị đào tạo bảo đảm đầy đủ các điều kiện để được mở ngành đào tạo theo Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật, Giám đốc ĐHTN quyết định cho phép tuyển sinh trở lại. Trường hợp hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh mà chưa được Giám đốc ĐHTN quyết định cho phép tuyển sinh trở lại, nếu đơn vị đào tạo muốn tiếp tục tuyển sinh và tổ chức đào tạo ngành này, đơn vị đào tạo phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để được mở ngành và thực hiện lại trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo theo Quy định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Đại học Thái Nguyên

1. Quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của toàn ĐHTN theo từng giai đoạn, phù hợp với sứ mạng và phát huy nguồn lực chung của đại học vùng.

2. Xây dựng chiến lược, kế hoạch mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của toàn ĐHTN; phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ và tiến sĩ (bao gồm các ngành chưa có trong danh mục mã ngành cấp IV, các chương trình tiên tiến nhập khẩu, chương trình liên kết đào tạo quốc tế, chương trình chất lượng cao) của các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc và thuộc ĐHTN phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hằng năm của ĐHTN.

3. Thẩm định hồ sơ mở ngành và quyết định cho phép mở ngành đào tạo, liên kết đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ (bao gồm cả các ngành chưa có trong danh mục mã ngành cấp IV, các chương trình tiên tiến nhập khẩu, chương trình liên kết đào tạo, chương trình chất lượng cao) đối với: Đơn vị trực thuộc và thuộc ĐHTN; các trường đại học thành viên (trừ các trường đại học thành viên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án tự chủ, đủ điều kiện tự chủ theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018).

4. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện hoạt động mở ngành đào tạo của các đơn vị đào tạo; xử lý vi phạm đối với tập thể, đơn vị, cá nhân có vi phạm liên quan hoạt động mở ngành đào tạo.

Điều 15. Trách nhiệm của đơn vị đào tạo

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch mở ngành đào tạo của đơn vị. Hằng năm, căn cứ vào khả năng đáp ứng các điều kiện quy định và nhu cầu mở ngành mới và nhu cầu của thị trường lao động, trường đại học thành viên đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học báo cáo ĐHTN. Việc xây dựng kế hoạch mở ngành của đơn vị phải phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hằng năm của ĐHTN.

2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của đơn vị đào tạo trên cơ sở tư vấn của hội đồng khoa học và đào tạo và các quy định quản lý nội bộ, cụ thể hóa và có thể yêu cầu cao hơn

nhưng không trái với các quy định của Quy định này; quy định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của tập thể, đơn vị, cá nhân trong các hoạt động mở ngành đào tạo và chế tài xử lý vi phạm đối với tập thể, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động mở ngành đào tạo.

3. Xây dựng, báo cáo ĐHTN thẩm định, phê duyệt hồ sơ mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ theo quy định. Trường đại học thành viên được tự chủ xây dựng đề án và ra quyết định mở ngành đào tạo khi đáp ứng đủ điều kiện tự chủ theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học năm 2018 và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án tự chủ.

4. Đối với mở ngành thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên, đơn vị đào tạo xây dựng kế hoạch và đề án mở ngành theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt đề án mở ngành; tổng hợp báo cáo ĐHTN về kết quả thực hiện.

5. Đối với mở ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe, mở ngành chuyên khoa I, chuyên khoa II, bác sĩ nội trú: Trường Đại học Y - Dược xây dựng kế hoạch và đề án mở ngành theo các quy định của Bộ Y tế, trình Bộ Y tế phê duyệt đề án mở ngành; tổng hợp báo cáo ĐHTN về kết quả thực hiện.

6. Tổ chức triển khai thực hiện đúng cam kết theo đề án mở ngành đào tạo đã được phê duyệt.

7. Thực hiện trách nhiệm trong việc đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018); thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

8. Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện hoạt động mở ngành đào tạo, việc thực hiện cam kết theo đề án mở ngành đào tạo và công tác bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành; chịu sự giám sát, kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHTN theo các quy định hiện hành.

9. Thực hiện giải trình theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin

1. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo theo quy định (đối với các trường đại học thành viên đã được cấp có thẩm

quyền phê duyệt đề án tự chủ, đủ điều kiện tự chủ theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học năm 2018), đơn vị đào tạo báo cáo ĐHTN (trừ các ngành do ĐHTN quyết định):

- a) Quyết định mở ngành đào tạo.
- b) Đề án mở ngành đào tạo.
- c) Địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo đã công khai các nội dung liên quan đến việc mở ngành đào tạo.

2. Đối với ngành đào tạo đã mở trình độ đại học: từ năm học thứ hai (kể từ khi ban hành quyết định mở ngành đào tạo) đến khi kết thúc khóa học đầu tiên, trước ngày bắt đầu năm học mới của từng năm học, đơn vị đào tạo phải báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHTN, việc đơn vị đào tạo đã chuẩn bị đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất để thực hiện chương trình đào tạo đối với ngành đào tạo đã mở theo kế hoạch, lộ trình đã cam kết trong đề án mở ngành của đơn vị đào tạo, gồm các nội dung theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 5 Quy định này để phục vụ quản lý và công tác hậu kiểm (trừ trường hợp mở ngành ở trình độ đại học đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, lĩnh vực An ninh, quốc phòng và lĩnh vực Pháp luật hoặc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ).

3. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, đơn vị đào tạo báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHTN về quyết định mở ngành đào tạo đã hết hiệu lực (nếu có) của đơn vị đào tạo, theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Quy định này để phục vụ công tác quản lý, bao gồm các nội dung: số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành quyết định; cơ quan ban hành quyết định; tên ngành; trình độ đào tạo; lý do quyết định mở ngành hết hiệu lực.

4. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, đơn vị đào tạo báo cáo về ĐHTN về danh sách các ngành đào tạo không đủ điều kiện tiếp tục duy trì ngành theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Quy định này và quyết định của Thủ trưởng đơn vị đào tạo về việc dừng tuyển sinh để khắc phục theo quy định.

5. Đơn vị đào tạo có trách nhiệm lưu trữ và bảo quản hồ sơ mở ngành đào tạo, các tài liệu liên quan tới việc mở ngành đào tạo, các minh chứng kèm theo hồ sơ mở ngành đào tạo, bao gồm cả các minh chứng về việc đáp ứng các điều kiện mở ngành đào tạo, bảo đảm tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6. Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo hoặc nhận được quyết định cho phép mở ngành đào tạo của cơ quan có thẩm

quyền, đơn vị đào tạo phải công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo các nội dung sau:

a) Quyết định mở ngành đào tạo.

b) Những nội dung cơ bản của đề án mở ngành đào tạo đã được phê duyệt, bao gồm: chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra và đề cương chương trình đào tạo; danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo; danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh; địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập.

c) Cập nhật thông tin về mở ngành đào tạo, đề án mở ngành đào tạo của đơn vị đào tạo vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị đào tạo báo cáo bằng văn bản về ĐHTN (qua Ban Đào tạo) để trình Giám đốc ĐHTN xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

PHỤ LỤC 1
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẶC THÙ THUỘC LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2022
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)*

Bảng 1. Ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực Nghệ thuật

STT	Tên ngành
	Mỹ thuật
1	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật
2	Hội họa
3	Đồ họa
4	Điêu khắc
5	Gốm
	Nghệ thuật trình diễn
6	Âm nhạc học
7	Sáng tác âm nhạc
8	Chỉ huy âm nhạc
9	Thanh nhạc
10	Biểu diễn nhạc cụ phương tây
11	Piano
12	Nhạc Jazz
13	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống
14	Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu
15	Biên kịch sân khấu
16	Diễn viên sân khấu kịch hát
17	Đạo diễn sân khấu
18	Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình
19	Biên kịch điện ảnh, truyền hình
20	Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình
21	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình
22	Quay phim
23	Lý luận, lịch sử và phê bình múa
24	Diễn viên múa
25	Biên đạo múa
26	Huấn luyện múa
	Nghệ thuật nghe nhìn
27	Nhiếp ảnh
28	Công nghệ điện ảnh, truyền hình
	Mỹ thuật ứng dụng
29	Thiết kế đồ họa
30	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh

Bảng 2. Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực Nghệ thuật

STT	Tên ngành
	Mỹ thuật
1	Lý luận và lịch sử mỹ thuật
2	Mỹ thuật tạo hình
	Nghệ thuật trình diễn
3	Âm nhạc học
4	Nghệ thuật âm nhạc
5	Lý luận và lịch sử sân khấu
6	Nghệ thuật sân khấu
7	Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình
8	Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình
	Mỹ thuật ứng dụng
9	Thiết kế đồ họa
10	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh

Bảng 3. Ngành đào tạo trình độ tiến sĩ thuộc lĩnh vực Nghệ thuật

STT	Tên ngành
	Mỹ thuật
1	Lý luận và lịch sử mỹ thuật
	Nghệ thuật trình diễn
2	Âm nhạc học
3	Lý luận và lịch sử sân khấu
4	Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình

PHỤ LỤC 2
GIẢNG VIÊN VÀ PHÒNG THÍ NGHIỆM, THỰC HÀNH PHỤC VỤ ĐÀO
TẠO CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO THUỘC LĨNH VỰC SỨC KHỎE
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2022
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Bảng 1. Số lượng và chuyên môn được đào tạo của giảng viên trình độ tiến sĩ đối với từng ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe

STT	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo của giảng viên trình độ tiến sĩ	Ngành đào tạo dự kiến mở				
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học dự phòng	Dược học
		Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ
1	Khoa học y sinh	2	2	2	2	1
2	Ngoại khoa	2	1	1	1	-
3	Nội khoa	2	1	1	1	1
4	Nhi khoa	1	1	1	1	-
5	Y học dự phòng/Y tế công cộng	1	1	1	6	-
6	Sản phụ khoa	1	1	-	1	-
7	Chuyên khoa nội (trừ ngành Nội khoa và Nhi khoa)	3	-	-	-	-
8	Chuyên khoa ngoại (trừ Ngoại khoa và Sản phụ khoa)	3	-	-	-	-
9	Y học cổ truyền	-	5		-	-
10	Răng Hàm Mặt	-	-	6	-	-
11	Ngành thuộc các môn cơ sở ngành Dược	-	-	-	-	2
12	Ngành thuộc nhóm ngành Dược học	-	-	-	-	7

Bảng 2. Các phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ đào tạo đối với từng ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe

STT	Tên phòng thí nghiệm, thực hành	Ngành đào tạo dự kiến mở						
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học Dự phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học
1	Sinh học và di truyền y học	X	X	X	X	X	X	-
2	Lý sinh	X	X	X	X	X	X	-
3	Sinh lý	X	X	X	X	X	X	-
4	Hóa học	X	X	X	X	X	X	-
5	Hóa sinh	X	X	X	X	X	X	X
6	Giải phẫu	X	X	X	X	X	X	-
7	Vi sinh - Ký sinh trùng	X	X	X	X	X	X	X
8	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	X	X	X	X	X	X	X
9	Dược lý	X	X	X	X	X	X	X
10	Điều dưỡng cơ bản	X	X	X	X	X	X	-
11	Giải phẫu bệnh	X	X	X	X	X	-	-
12	Mô phôi	X	X	X	X	-	-	-
13	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	X	-	X	X	-	-	-
14	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	X	-	-	X	X	X	-
15	Thực vật dược	-	X	-	-	-	-	X
16	Dinh dưỡng tiết chế	-	-	-	-	X	X	-
17	Y học cổ truyền	-	-	-	-	X	X	-
18	Hộ sinh cơ bản	-	-	-	-	X	-	-
19	Hóa đại cương vô cơ	-	-	-	-	-	-	X
20	Hóa hữu cơ	-	-	-	-	-	-	X
21	Hóa phân tích	-	-	-	-	-	-	X
22	Giải phẫu - Sinh lý	-	-	-	-	-	-	X
23	Sinh học	-	-	-	-	-	-	X
24	Vật lý	-	-	-	-	-	-	X
25	Dược liệu	-	-	-	-	-	-	X
26	Hóa Dược	-	-	-	-	-	-	X
27	Dược học cổ truyền	-	-	-	-	-	-	X
28	Bào chế	-	-	-	-	-	-	X
29	Dược lâm sàng	-	-	-	-	-	-	X

STT	Tên phòng thí nghiệm, thực hành	Ngành đào tạo dự kiến mở						
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học Dự phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học
30	Công nghiệp dược	-	-	-	-	-	-	X
31	Kiểm nghiệm thuốc	-	-	-	-	-	-	X
32	Chiết suất vi sinh	-	-	-	-	-	-	X
33	Nhà thuốc	-	-	-	-	-	-	X
34	Trung tâm tiền lâm sàng (các phòng thực hành về: hệ nội, hệ ngoại, phụ-sản, nhi, hồi sức cấp cứu, điều dưỡng)	X			X			
35	Trung tâm tiền lâm sàng (các phòng thực hành về: hệ nội, hệ ngoại, hồi sức cấp cứu, điều dưỡng, châm cứu, xoa bóp-đưỡng sinh)		X					
36	Trung tâm tiền lâm sàng (các phòng thực hành về: chữa răng và nội nha, phục hình, chỉnh nha, nha nhu, phẫu thuật trong miệng và phẫu thuật hàm mặt, Labo răng giả)			X				
37	Trung tâm tiền lâm sàng (các phòng thực hành về: chăm sóc sức khỏe bệnh nội khoa, chăm sóc sức khỏe ngoại khoa, chăm sóc sức khỏe phụ nữ-bà mẹ và gia đình, chăm sóc sức khỏe trẻ em, chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng)					X		
38	Trung tâm tiền lâm						X	

STT	Tên phòng thí nghiệm, thực hành	Ngành đào tạo dự kiến mở						
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học Dự phòng	Điều dưỡng	Hộ sinh	Dược học
	sàng/Trung tâm thực hành kỹ năng Sản-Phụ khoa-Kế hoạch hóa gia đình (các phòng thực hành về: chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén-chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh sau đẻ; chăm sóc bà mẹ thời kỳ chuyển dạ và đẻ, chăm sóc trẻ sơ sinh, chăm sóc sức khỏe phụ nữ và kế hoạch hóa gia đình)							

PHỤ LỤC 3**XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**Đơn vị đào tạo:****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm...

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở:Mã ngành

Trình độ đào tạo:

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với đơn vị đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của đơn vị đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

1	Nguyễn Văn A 15/11/1966	092066001 879 Việt Nam	GS, 2016	TS, Việt Nam, 2002	Nuôi trồng thủy sản	01/08/19 88	X	HC1582930 61873267	33	10	24	
2	Nguyễn Thị B 20/12/1971	064071007 451 Việt Nam	PGS, 2015	TS, Hà Lan, 2009	Công nghệ chế biến thủy sản	X	15/11/2010, Hợp đồng thỉnh giảng tự trả lương	HC8935278 18012345	8	3	12	
...												

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của đơn vị đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
1	Nguyễn Văn A	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
...								

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của đơn vị đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của đơn vị đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do đơn vị đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của đơn vị đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tiêu đề bài viết*', *[trong] tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của đơn vị đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ					
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ					
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ					
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ					
1.5	Số phòng học đa phương tiện					
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian					
2	Thư viện, trung tâm học liệu					
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập					

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai
 (theo từng mẫu trên)
(Ký tên xác nhận)

Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)

.....

.....

1.4. Ý kiến của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo

1.4.1. Họ và tên thành viên 1

.....

.....

1.4.2. Họ và tên thành viên 2

.....

.....

...

1.5. Ý kiến giải trình của Tổ soạn thảo Đề án mở ngành

.....

.....

2. KẾT LUẬN

2.1. Đánh giá chung

.....

.....

2.2. Kết luận các nội dung Đề án mở ngành

2.2.1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở

.....

.....

2.2.2. Về đội ngũ giảng viên

.....

.....

2.2.3. Về cơ sở vật chất

.....

.....

2.2.4. Về chương trình đào tạo

.....

.....

2.2.5. Về cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan

.....

.....

2.2.6. Các nội dung khác

.....

.....

PHỤ LỤC 4
BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
VỀ THẨM ĐỊNH ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2022
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐƠN VỊ: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
Về việc thẩm định Đề án mở ngành đào tạo

Tên ngành:, mã số:
 Chuyên ngành:
 Trình độ đào tạo:
 Thành viên của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường/Khoa/Phân
 hiệu....., cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Trách nhiệm trong Hội đồng
1.			
2.			
3.			
...			

Thư ký cuộc họp:
 Có mặt:..... thành viên (tên của các thành viên tham dự họp).
 Vắng mặt: thành viên (tên của các thành viên vắng mặt) .
 Thời gian họp:
 Địa điểm:

1. NỘI DUNG LÀM VIỆC

1.1. Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo: Phát biểu chỉ đạo cuộc họp

.....

1.2. Ủy viên thường trực của Hội đồng Khoa học và Đào tạo: Thông qua
 phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cụ thể:

.....

1.3. Tổ soạn thảo báo cáo nội dung Đề án mở ngành: Báo cáo tổng hợp các
 nội dung đã thực hiện trong Đề án mở ngành đào tạo, cụ thể:

.....

2.3. Kết luận chung

- Phải nêu rõ đơn vị có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo hoặc chưa đủ điều kiện theo quy định hiện hành.

- Tổ soạn thảo chỉnh sửa Đề án theo ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng và có giải trình bằng văn bản các nội dung đã chỉnh sửa.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản. Đại học Thái Nguyên lưu 01 bản; đơn vị lưu 01 bản.

Cuộc họp kết thúc vào lúc

THƯ KÝ CUỘC HỌP

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)